

DANH MỤC ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUYỀN MỘC

(Kèm theo Quyết định số 81/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2009 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A) NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC ĐÔ THỊ

ĐVT: 1.000 đồng/m².

Stt	Tên đường	Loại đường	Hệ số	Đơn giá đất ở vị trí 1 (sau khi đã có hệ số)
1	Quốc lộ 55 (đoạn đường 1 chiều thị trấn Phước Bửu có vỉa hè)	1		3,360
2	Đoạn Quốc lộ 55 còn lại thuộc thị trấn Phước Bửu	2		2,025
3	Đoạn Quốc lộ 55 nối tắt đi xã Bông Trang	2		2,025
4	Đường 27/4 thị trấn Phước Bửu	1		3,360
5	Đường Xuyên Phước Cơ:			
	- Đoạn từ ngã ba bên xe đến giao đường 27/4, có vỉa hè	1	0.75	2,250
	- Đoạn từ đường 27/4 đến hết ranh giới thị trấn Phước Bửu	2		2,025
6	Đường Huỳnh Minh Thạnh:			
	- Đoạn 1: giáp Quốc lộ 55 đến điểm giáp đường 27/4	1		3,360
	- Đoạn 2: giáp đường 27/4 đến giáp đường Hùng Vương	3		1,200
	- Đoạn 3: giáp đường Hùng Vương đến giáp đường xuyên Phước Cơ	4		750
	- Đoạn 4: đoạn vào trường Huỳnh Minh Thạnh (đoạn có vỉa hè)	2	0.75	1,520
	- Đoạn 5: đoạn còn lại (đá xô bồ)	4		750
7	Đường Võ Thị Sáu (Điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối ranh giới giữa thị trấn Phước Bửu, xã Phước Tân)	2		2,025
8	Đường Tôn Thất Tùng (Điểm đầu đường Quốc lộ 55, điểm cuối đường Bình Giả)	2	0.75	1,520
9	Đường Nguyễn Văn Linh (Điểm đầu đường Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4)	2	0.75	1,520
10	Đường Trần Phú:			
	- Đoạn 1: đoạn đường nhựa có vỉa hè	2		2,025
	- Đoạn 2: đoạn đường còn lại (đá xô bồ)	4		750
11	Đường Phạm Văn Đồng (Điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối giáp đường Bình Giả)	2		2,025

12	Đoạn giao Quốc lộ 55 và đường 27/4 (bên hông Chi cục thuế huyện: điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4)	2	0.75	1,520
13	Đường Nguyễn Minh Khanh (điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4)	2	0.75	1,520
14	Đường Trần Văn Trà (điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4)	2	0.75	1,520
15	Đường Tôn Đức Thắng (điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4)	2	0.75	1,520
16	Đoạn đường từ đường 27/4 đến giáp đường đoạn đường xung quanh chợ thị trấn Phước Bửu (bên hông quán Nguyễn)	2	0.75	1,520
17	Đoạn đường từ Huỳnh Minh Thạnh đến giáp đường bên hông quán Nguyễn.	2	0.75	1,520
18	Các đoạn đường xung quanh chợ thị trấn Phước Bửu:			
	- Đoạn 1: giao đường Huỳnh Minh Thạnh (Tiệm cơ khí Hiền Thủy) vòng sau chợ Phước Bửu đến cửa hàng Thanh Hoa	2		2,025
	- Đoạn 2: từ Quốc lộ 55 (tiệm vàng Phú Kim) đến hết thửa đất số 06 tờ bản đồ số 30 và thửa 01 tờ bản đồ số 31 (đoạn đường từ Huỳnh Minh Thạnh đến giáp đường bên hông quán Nguyễn)	2		2,025
19	Đường Bình Giã: (điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối giáp Quốc lộ 55 thuộc xã Xuyên Mộc)	2	0.75	1,520
20	Đoạn đường từ Quốc lộ 55 đến đường Bình Giã (sau Ủy ban nhân dân huyện)	2	0.75	1,520
21	Đường Trần Hưng Đạo: (điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4)	2	0.75	1,520
22	Đường Hùng Vương:			
	- Đoạn có vỉa hè	2		2,025
23	Đường Lý Tự Trọng: đoạn có trải nhựa	2		2,025
24	Đường lô khu tái định cư còn lại có chiều rộng từ 6m trở lên.	2		2,025
25	Đường lô khu tái định cư còn lại có chiều rộng nhỏ hơn 6m.	2	0.75	1,520
26	Đường Nguyễn Huệ (điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4 - Đường đá xò bồ)	3		1,200
27	Đường Lê Lợi (điểm đầu Quốc lộ 55, điểm cuối đường 27/4 - đường đá xò bồ)	3		1,200
28	Đường Hoàng Việt (điểm đầu đường Bình Giã, điểm cuối hết đường đá xò bồ - Đường đá xò bồ)	3		1,200
29	Đường Bạch Mai (điểm đầu đường Bình Giã, điểm cuối đường Phạm Văn Đồng - đường đá xò bồ)	3		1,200
30	Đường vành đai thị trấn Phước Bửu: đoạn từ giáp đường Huỳnh Minh Thạnh đến khu tái định cư thị trấn Phước Bửu	2	0.75	1,520
31	Các tuyến đường còn lại chưa xác định ở trên được nhà nước đầu tư xây dựng, do huyện, thị trấn quản lý	4		750

B) NHỮNG TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN

Stt	Tên đường	Khu vực	Vị trí	Hệ số	Đơn giá đất ở vị trí 1 (sau khi đã có hệ số)
1	Quốc lộ 55 đi qua các xã Xuyên Mộc, Bông Trang, Bưng Riềng, Bình Châu, Phước Thuận.				
	a) Đoạn thuộc xã Phước Thuận:				
	- Đoạn 1: giáp ranh với thị trấn Phước Bửu (từ đầu thửa đất số 14&90, tờ bản đồ số 03 đến hết thửa đất số 74&110, tờ bản đồ số 03)	1	1	1.35	2,025
	- Đoạn 2: từ thửa đất số 248 và 111, tờ bản đồ số 03 đến hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 06 – đầu cầu Dài	1	2		1,200
	- Đoạn 3: từ đầu thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06 đến hết thửa đất số 150&325, tờ bản đồ số 5 – đầu cầu Trọng	1	1		1,500
	b) Đoạn thuộc xã Xuyên Mộc:				
	- Đoạn 1: từ ranh giới thị trấn Phước Bửu đến ngã ba đường giao thông nông thôn (từ đầu thửa đất số 1715, tờ bản đồ số 12 đến hết thửa đất số 2356&1957, tờ bản đồ số 10) và đoạn từ đầu thửa đất số 2264&2269, tờ bản đồ số 10 đến hết thửa đất số 5478&5506, tờ bản đồ số 7)	1	1		1,500
	- Đoạn 2: từ đầu thửa đất số 2326&1958, tờ bản đồ số 10 đến hết thửa đất số 2268&2262, tờ bản đồ số 10)	1	2		1,200
	- Đoạn Quốc lộ 55 mới:				
	+ Đoạn giáp ranh thị trấn Phước Bửu đến hết thửa đất số 109&1453 tờ bản đồ 12	1	1		1,500
	+ Đoạn còn lại	1	2		1,200
	- Các đoạn còn lại (thuộc Quốc lộ 55 cũ)	1	3		960
	c) Đoạn thuộc xã Bông Trang:				
	- Đoạn 1: từ thửa đất số 1119&1275 đến thửa 1156&1225 tờ bản đồ số 8.	1	1		1,500
	- Đoạn 2: từ cầu Sông Hòa đến thửa 53, tờ bản đồ số 10 (ngay bùng binh ngã ba)	1	3		960
	- Đoạn 3: các đoạn còn lại	1	2		1,200
	d) Đoạn thuộc xã Bưng Riềng				
	- Đoạn 1: đoạn trung tâm xã (1 km) từ xã hướng về Bông Trang 300m, hướng về Bình Châu 700m (từ đầu thửa đất số 659&406, tờ bản đồ số 21&22 đến hết thửa đất số 756&791, tờ bản đồ số 21)	1	1		1,500
	- Đoạn 2: đoạn giáp thửa 276 tờ bản đồ 26 đến giáp ranh giới xã Bình Châu	1	3		960

	- Đoạn 3: đoạn còn lại	1	2		1,200
	e) Đoạn thuộc xã Bình Châu:				
	- Đoạn 1: đoạn từ cầu Suối Muồng đến cầu Suối Đá 1	1	1		1,500
	- Đoạn 2: từ ranh giới xã Bung Riềng đến cách Trạm kiểm lâm 200m (cách 200m về hướng Bung Riềng)	1	3		960
	- Đoạn 3: đoạn còn lại	1	2		1,200
2	Đoạn đường từ giao Quốc lộ 55 đến cầu Suối Ráng	1	2		1,200
3	Đoạn từ cầu Suối Ráng đến Suối nước nóng Bình Châu	1	3		960
	Đường liên Tỉnh lộ 329 (đi qua các xã Xuyên Mộc, Hòa Hội, Hòa Hiệp)				
	a) Đoạn thuộc xã Xuyên Mộc				
	- Đoạn 1: đoạn trung tâm xã (từ đầu thửa đất số 5315& 5318, tờ bản đồ số 7 đến hết thửa đất số 1161&1162, tờ bản đồ số 2	1	1		1,500
	- Đoạn 2: từ đường giao thông nông thôn đến Cầu 1 giáp xã Hòa Hội (từ đầu thửa đất 1159&1160 đến hết thửa 1100&1101 tờ bản đồ số 2)	1	2		1,200
	b) Đoạn thuộc xã Hòa Hội				
4	- Đoạn 1: đoạn từ Trường Mẫu giáo trung tâm đến nhà thờ (từ đầu thửa đất số 380 tờ bản đồ 26 đến hết thửa đất số 145, tờ bản đồ số 17)	1	1		1,500
	- Đoạn 2: các đoạn còn lại	1	2		1,200
	c) Đoạn thuộc xã Hòa Hiệp:				
	- Đoạn 1: đoạn từ Trường Trần Đại Nghĩa đến ngã ba Bàu Ma (từ đầu thửa đất số 23, tờ bản đồ 31 đến hết thửa đất số 217, tờ bản đồ 24)	1	1		1,500
	- Đoạn 2: đoạn từ đường Tư Thắng đến trường Trần Đại Nghĩa (từ đầu thửa đất số 63, tờ bản đồ 38 đến hết thửa đất số 13, tờ bản đồ 31)	1	2		1,200
	- Đoạn 3: đoạn còn lại	1	3		960
5	Đường liên Tỉnh lộ 328 (đi qua các xã Phước Thuận, Phước Tân, Hòa Bình, Hòa Hưng, Bàu Lâm, Tân Lâm)				
	a) Đoạn xã Phước Thuận				
	- Đoạn 1: đoạn có vỉa hè từ giáp đường Quốc lộ 55 (Bến xe khách Xuyên Mộc) đến giáp đường 27/4 thị trấn Phước Bửu	1	1	1.5	2,250
	- Đoạn 2: đoạn từ đường 27/4 đến hết ranh giới thị trấn Phước Bửu	1	1	1.35	2,025
	- Đoạn 3: các đoạn còn lại	1	1		1,500
	b) Đoạn thuộc xã Phước Tân				
	- Đoạn 1: đoạn giáp ranh thị trấn Phước Bửu thuộc địa phận xã Phước Tân (đoạn có vỉa hè)	1	1	1.35	2,025

	- Đoạn 2: từ giáp đoạn có vỉa hè đến hết thửa đất số 2 tờ bản đồ số 1	1	1		1,500
	- Đoạn 3: các đoạn còn lại	1	2		1,200
	c) Đoạn thuộc xã Hòa Bình				
	- Đoạn 1: đoạn trung tâm xã (điểm đầu: từ đầu thửa đất số 105&160, tờ bản đồ số 11 đến điểm cuối hết thửa đất số 488&219, tờ bản đồ số 08)	1	1		1,500
	- Đoạn 2: các đoạn còn lại	1	2		1,200
	d) Đoạn thuộc xã Hòa Hưng				
	- Đoạn 1: từ đầu thửa đất số 335, tờ 12 đến hết thửa đất số 10, tờ 10	1	1		1,500
	- Đoạn 2: các đoạn còn lại	1	2		1,200
	e) Đoạn thuộc xã Bàu Lâm				
	- Đoạn 1: từ đầu thửa đất số 697, tờ 71 đến hết thửa đất số 11, tờ 71	1	1		1,500
	- Đoạn 2: các đoạn còn lại	1	2		1,200
	g) Đoạn thuộc xã Tân Lâm				
	- Đoạn 1: đoạn từ đường giao thông nông thôn ấp Suối Lê đến đường giao thông nông thôn Tân Lâm - Hòa Hiệp (từ đầu thửa đất số 519, tờ 57 đến hết thửa đất số 302, tờ 42)	1	1		1,500
	- Đoạn 2: các đoạn còn lại	1	2		1,200
6	Đường từ ngã ba 328 đến cầu Sông Ray (giáp huyện Châu Đức)	1	1		1,500
7	Đường từ ngã ba đường 328 đến cầu Suối Ly	1	1		1,500
8	Đường Bình Giã thuộc địa phận xã Xuyên Mộc	1	1		1,500
	Đoạn đi Hồ Cốc:				
9	- Đoạn 1: đoạn giao Quốc lộ 55 đến trụ sở Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu	1	1		1,500
	- Đoạn 2: đoạn còn lại	1	3		960
	Đường từ ngã ba Láng Găng đến Bến Lội Bình Châu:				
10	- Đoạn 1: đoạn từ ngã ba Láng Găng đến giao đường ven biển (ngay chợ Bình Châu)	1	1		1,500
	- Đoạn 2: đoạn từ ngã ba chợ cũ đến Bến Lội	1	1		1,500
11	Đường ven biển:				
	- Đoạn 1: đoạn từ cầu Lộc An đến ngã tư Hồ Tràm	1	2		1,200
	- Đoạn 2: đoạn từ ngã ba khu du lịch Hồng Phúc đến hết khu du lịch Ngân Hiệp	1	3		960
	- Đoạn 3: đoạn từ ngã tư Hồ Tràm xã Phước Thuận đến hết thửa đất số 41 tờ bản đồ số 38 xã Bình Châu (qua hàng rào chắn của khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu)	1	3		960

	- Đoạn 4: đoạn hết thửa đất số 41 tờ bản đồ số 38 xã Bình Châu đến hết thửa đất số 7 tờ bản đồ số 43 và thửa đất số 7 tờ bản đồ số 47, gồm 02 loại:				
	- Loại 1: đoạn có vỉa hè	1	1		1,500
	- Loại 2: đoạn chưa có vỉa hè	1	2		1,200
	- Đoạn 5: đoạn từ thửa đất số 2&3 tờ bản đồ số 43 đến cầu Suối Đá 2	1	3		960
	- Đoạn 6: đoạn từ cầu Suối Đá 2 đến giáp Quốc lộ 55	1	2		1,200
12	Đường bên hông chợ Bình Châu (từ đầu thửa đất số 28&246 tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 57&293 tờ bản đồ số 56)	1	2		1,200
	Đường Chuông Quýt - Gò Cát:				
	- Đoạn 1: từ Quốc lộ 55 đến hết thửa đất số 296&247 tờ bản đồ số 10	1	3		960
13	- Đoạn 2: từ thửa đất 244&298 tờ bản đồ số 10 đến hết thửa 451&477 tờ bản đồ số 15	1	4		768
	- Đoạn 3: từ thửa đất số 476&452 tờ bản đồ số 15 đến thửa đất 374&390 tờ bản đồ 16	1	3		960
	- Đoạn 4: từ thửa 376&388 tờ bản đồ 16 đến giao với đường nhựa	1	4		768
14	Các tuyến đường giao thông nông thôn có trải nhựa, rộng 6m trở lên (theo thiết kế)	1	3		960
15	Các tuyến đường giao thông nông thôn có trải nhựa từ 4m đến dưới 6m (theo thiết kế)	1	4		768
16	Các tuyến đường giao thông nông thôn đã xò bồ, sỏi đổ được nhà nước đầu tư xây dựng có chiều rộng nền đường từ 6m trở lên (theo thiết kế)	2	1		614
17	Các tuyến đường giao thông nông thôn đã xò bồ, sỏi đổ được nhà nước đầu tư xây dựng có chiều rộng nền đường từ 4m đến dưới 6m (theo thiết kế)	2	2		492
18	Các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại chưa xác định ở những tuyến đường trên do huyện, xã quản lý:				
	- Có chiều rộng nền đường từ 6m trở lên	2	3		394
	- Có chiều rộng nền đường từ 4m đến dưới 6m	2	4		315
19	Các tuyến đường còn lại chưa được xác định ở những tuyến đường trên do huyện, xã quản lý	3	1		252

Ghi chú:

Đơn giá đất ở vị trí 1 (50m đầu) có áp dụng hệ số thì tiếp tục áp dụng hệ số đối với các vị trí còn lại.

Riêng đất ở khu vực nông thôn sau vị trí 2 khu vực 3 bằng giá ở tại nông thôn thuộc điều 6 qui định ban hành kèm theo quyết định bảng giá các loại đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành là: 202.000đồng/m².

DinhGia.Com.Vn